

Chapter 6

小壁虎借尾巴 xiǎo bì hǔ jiè wěi bā

Little Gecko borrows a tail

Page 28

壁虎	bì hǔ	gecko
借	jiè	borrows
尾巴	wěi bā	a tail
秋天	qiū tiān	autumn
早上	zǎo shàng	morning
牆角	qiáng jiǎo	corner of a wall
捉	zhuō	catch
蚊子	wén zǐ	mosquitoes
一條	yī tiáo	one, one unit of 條 is the measure word for long thin things - here it' s used with the word 'snake'
蛇	shé	snake
咬	yǎo	bite

掙	zhèng	struggle (to get free)
斷	duàn	break off
逃走	táo zǒu	escaped
Page 29		
多	duō	how! how very...!
難看	nán kàn	ugly
想	xiǎng	thought...
向...借	xiàng ... jiè	borrow from...
誰	shuí	who?
呢	ní	Grammatical: shows a question
Paragraph 2		
爬	pá	climb
河	hé	river
邊	biān	edge of
看見	kàn jiàn	saw
搖	yáo	waving, shaking
在...裏	zài ... lǐ	in the ...
游來游去	yóu lái yóu qù	swimming up and down
說	shuō	said
姐姐	jiě jiě	elder sister

借給	jiè gě	lend me
行嗎？	xíng má ?	OK?
不行	bù xíng	Not OK
要	Yào	want to , must
用	yòng	use (it)
撥水	bō shuǐ	paddle
Paragraph 3		
甩	shuǎi	swing (to and fro)
伯伯	bó bó	Uncle
趕走	gǎn zǒu	drive away - get rid of
蠅子	yíng zǐ	fly, flies
呢	ní	Grammatical: Reinforces his statement
Page 30		
房檐	fáng yán	eaves of the house (the bit of the roof that sticks out)
燕子	yàn zǐ	swallow
擺	bǎi	swing
阿姨	ā yí	Auntie
掌握	zhǎng wò	control
方向	fāng xiàng	direction
Paragraph 2		
借不到	jiè bù dào	was not able to borrow

難過	nán guò	sad
找	zhǎo	look for
Paragraph 3		
事 借尾巴的事	shì jiè wěi bā dí shì	thing, matter, business the thing about the borrowing tail
告訴	gào sù	told
笑	xiào	laughed
傻	shǎ	stupid
孩子	hái zǐ	child
轉身子	zhuǎn shēn zǐ	turn (your body) around
高興地	gāo xīng dì	happily
叫	jiào	called out
長出	cháng chū	grown
新	xīn	new